

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8 - 2025

V/v “TrAh chấp ly hôn”

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Khuyển

2. Ông Nguyễn Sỹ Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ah Đào – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “TrAh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Nhật Thuý A, sinh năm 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Ông Lưu Xuân D, sinh năm 1989. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã P, tỉnh Đồng Nai

Ông D hiện đAg chấp hành án phạt tù tại danh số 21L – Đội 21 – Trại giam Đ – Bộ Công A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn bà PhA Nhật Thuý A trình bày:*

- Về quA hệ hôn nhân: Bà và ông Lưu Xuân D tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai) năm 2013.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bà bị xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Trong thời giA bà đi chấp hành án thì ông D đã dẫn người phụ nữ khác về chung sống như vợ chồng và có con với người phụ nữ đó, bỏ mặc con cái cho bà nội nuôi. Tháng 02/2023, bà chấp hành án xong và về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Tháng 6/2023, ông D bị xử phạt 03 năm 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện đAg

chấp hành án tại Trại giam Đắc P'Lao. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

- *Về con chung*: Bà và ông D có 02 con chung là Lư Xuân T1 – sinh ngày 07/5/2012 và Lư Xuân T2 – sinh ngày 14/6/2014.

Hiện nay ông D đang đi chấp hành án nên bà yêu cầu Toà án giao 02 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà và ông D không có.

*** Bị đơn ông Lư Xuân D trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà A xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P sau khi có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng bà đầu bình thường về sau thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ông đã sống ly thân nhau 07 tháng trước khi ông đi chấp hành án phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Nay bà A đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Ông và bà A có 02 con chung là cháu Lư Xuân Thắng – sinh năm 2012 và cháu Lư Xuân Toàn – sinh năm 2014. Ông đồng ý để bà A trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung vì ông đang phải chấp hành án tù, không có điều kiện nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông và bà A không có.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Nhật Thuý A được ly hôn với ông Lư Xuân D.

Về con chung: Giao cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lư Xuân T1 – sinh ngày 07/5/2012 và cháu Lư Xuân T2 – sinh ngày 14/6/2014. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và đề nghị của vị Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Phạm Nhật Thuý A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lư Xuân D. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông D có nơi cư trú tại thôn P, xã P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là Toà án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai).

II. Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà A và ông D tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai) ngày 20/9/2013 (số 33). Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà A có nguyện vọng muốn ly hôn với ông D vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn. Ông D có lời khai thừa nhận trước khi ông phải đi chấp hành án phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ông và bà A đã sống ly thân nhau 07 tháng nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà A. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông D là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà A và ông D có 02 con chung là cháu Lưu Xuân T1 – sinh ngày 07/5/2012 và cháu Lưu Xuân T2 – sinh ngày 14/6/2014.

Bà A đề nghị được nuôi dưỡng cả 2 con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Ông D đồng ý để bà A nuôi dưỡng cả 2 con chung vì ông đang phải đi chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung của bà A là phù hợp nên được chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Nhật Thuý A.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Nhật Thuý A được ly hôn với ông Lưu Xuân D. Quan hệ hôn nhân của bà A và ông D chấm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lưu Xuân T1 – sinh ngày 07/5/2012 và cháu Lưu Xuân T2 – sinh ngày 14/6/2014 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, các bên có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Nhật Thuý A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011853 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đồng Nai). Bà A đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND KV 11 – ĐN;
- TAD tỉnh Đồng Nai;
- THA dân sự tỉnh ĐN;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. (10)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải